

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Anh Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Tiến
2. Ông Đinh Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị H – sinh năm 1978

Chỗ ở hiện nay: Xóm A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Thái Nguyên
(Có mặt)

+ *Bị đơn:* Anh T - sinh năm 1958

Cư trú tại: Lầu A2, số B2, phố C2, khu D2, thành phố E, Đài Loan.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn gửi đến tòa án ngày 13/11/2017, bản tự khai ngày 21/11/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn ngày 25 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Sau khi kết hôn, vợ chồng không chung sống với nhau. Ngày 14 tháng 4 năm 2016, Văn phòng Đ tại Hà Nội – Việt Nam hẹn vợ chồng đến phỏng vấn. Trong quá trình phỏng vấn, vợ chồng trả lời không thống nhất do căng thẳng, lúng

túng nên không được thông qua và Văn phòng Đ tại Hà Nội – Việt Nam từ chối phỏng vấn lại. Anh T trở về Đ ngay, Chị H ở lại Việt Nam. Nay chị H xác định không sang Đài Loan nữa nên kể từ đó anh chị không gặp nhau. Vợ chồng mỗi người một nơi, không chung sống với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại văn bản trả lời của bị đơn anh T gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh T xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung phù hợp với lời khai của chị H. Nay anh cũng nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: không có.

Hiện nay, do anh bị bệnh trùng phong nên anh không thể đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam để trực tiếp tham gia giải quyết vụ án được và anh cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong vụ án này, bị đơn là người có quốc tịch Đài Loan (Trung Quốc), hiện đang cư trú và làm việc tại Đài Loan được thể hiện trong Hồ sơ vụ án. Do vậy, đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh D1 để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có đơn đề nghị gửi Tòa án, thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh T và chị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng không chung sống với nhau. Ngày 14 tháng 4 năm 2016, Văn phòng Đ tại Hà Nội – Việt Nam hẹn vợ chồng đến phỏng vấn. Trong quá trình phỏng vấn, vợ chồng trả lời không thống nhất do căng thẳng, lúng

túng nên không được thông qua và Văn phòng Đ tại Hà Nội – Việt Nam từ chối phỏng vấn lại. Anh T trở về Đài Loan ngay, Chị H ở lại Việt Nam. Nay chị H xác định không sang Đài Loan nữa nên kể từ đó anh chị không gặp nhau. Vợ chồng mỗi người một nơi, không chung sống với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Phía anh T cũng thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn tại các văn bản của anh T gửi về cho Tòa án.

[3] Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị H xin ly hôn, anh T hoàn toàn nhất trí nên cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Các đương sự đều xác định không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

□n phí và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H cho chị H được ly hôn anh T. Con chung không có. Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị H phải chịu án phí và lệ phí ủy thác ra nước ngoài theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng Điều 28, 37, 40, 147, 153, 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 và Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H được ly hôn anh T.
2. Về con chung: Không có
3. Tài sản chung: Không giải quyết
- Về nợ chung: Không giải quyết.

* □n phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0018477 ngày 21/11/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên

* Lệ phí ủy thác tư pháp: H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 200.000đ tạm ứng đã nộp số 0018478 ngày 01/12/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên

Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND tỉnh Thái Nguyên
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Anh Dân